

UNIT 3:

COMMUNITY SERVICE

GETTING STARTED

- board game	(n): trò chơi trên bàn cờ
- pick up	(v) : đón, rước
- litter	(v) : xả rác
- plant	(v) : trồng cây
- fantastic	(adj) : tuyệt vời
- donate	(v) : quyên góp, ủng hộ
- nursing home	(n) : viện dưỡng lão
- homeless children	(n) : trẻ em vô gia cư
- rural area	(n) : vùng nông thôn
- recycle	(v) : tái chế
- plastic bottle	(n) : chai nhựa
- collect	(v) : thu thập, sưu tầm
- community service	(n) : dịch vụ cộng đồng
- community activity	(n) : hoạt động cộng đồng